

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
SABECO SÔNG TIỀN**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 - 2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	3
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 22



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Thương Mại SABECO Sông Tiền cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**1. Công ty**

Công ty Cổ phần Thương Mại SABECO Sông Tiền (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 54.0.3.000030 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19 năm 2008 về người đại diện pháp luật của Công ty và tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên thành 40 tỷ đồng.

**Trụ sở:**

Công ty có trụ sở chính và kho được đặt tại số 5E đường Phạm Hùng, phường 9, thành phố Vĩnh Long.

**Công ty có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:**

Chi nhánh Long An	Số 140 đường 833, khu phố Phú Nhơn, phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An.
Chi nhánh Tiền Giang	Số 333, quốc lộ 50, ấp 2, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
Chi nhánh Trà Vinh	Quốc lộ 53, ấp Bến Có, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
Chi nhánh Đồng Tháp	Số 1013 Điện Biên Phủ, Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Chi nhánh Bến Tre	Số 24/E3 đường Nguyễn Thị Định, ấp Phú Thành, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo giấy phép đăng ký kinh doanh ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Mua bán rượu, bia, nước giải khát; Kinh doanh nhà hàng ăn uống; Vận chuyển hàng hóa đường bộ; Cho thuê kho bãi.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, hoạt động chủ yếu của Công ty là mua bán rượu, bia, nước giải khát.

**2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc điều hành Công ty trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

**Hội đồng Quản trị**

Bà Lê Thị Xuân Hoàn	Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Châu Long	Thành viên
Bà Biện Thị Tím	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Bà Trần Kim Chiến	Giám đốc
Ông Bùi Chí Hiếu	Kế toán trưởng

**Ban Kiểm Soát**

Ông Đồng Việt Trung	Trưởng ban
Ông Trần Quốc Xuân	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Hà	Thành viên

38990  
ÔNG  
NHIỆM  
VIỆT  
L. CÁN  
TIÊU-T

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**



**LÊ THỊ XUÂN HOÀN**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Vĩnh Long, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Số: 01/2011/BCKT-BDOVN.CT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của  
Công Ty Cổ Phần Thương Mại SABECO Sông Tiền

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Thương Mại SABECO Sông Tiền (gọi tắt là "Công ty"), được trình bày từ trang 4 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Thương Mại SABECO Sông Tiền, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**NGUYỄN NGỌC BÍCH**  
Phó Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số 0600/KTV



**TRƯƠNG THỊ HƯƠNG**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số 1042/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM – CN CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 20 tháng 02 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>88.931.853.305</b>	<b>78.752.918.467</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>51.896.318.432</b>	<b>40.223.151.357</b>
Tiền	111		51.896.318.432	40.223.151.357
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>-</b>	<b>20.000.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		-	20.000.000.000
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>3.654.372.172</b>	<b>2.207.899.353</b>
Phải thu khách hàng	131	4.3	3.292.204.214	386.934.474
Trả trước cho người bán	132	4.4	280.715.419	866.090.740
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.5	557.881.713	954.874.139
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.6	(476.429.174)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>28.775.278.550</b>	<b>15.695.439.356</b>
Hàng tồn kho	141	4.7	28.775.278.550	15.695.439.356
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.605.884.151</b>	<b>626.428.401</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	144.835.911	222.622.770
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.15	2.874.689.609	281.655.631
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.15	1.532.573.631	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		53.785.000	122.150.000



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>92.039.372.846</b>	<b>56.647.233.481</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>29.930.871.063</b>	<b>18.675.857.377</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	9.973.985.599	4.566.849.181
Nguyên giá	222		11.491.702.950	5.418.373.253
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.517.717.351)	(851.524.072)
Tài sản cố định vô hình	227	4.10	13.021.927.163	3.095.514.125
Nguyên giá	228		13.380.684.739	3.147.229.159
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(358.757.576)	(51.715.034)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.11	6.934.958.301	11.013.494.071
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.12	<b>8.008.114.327</b>	<b>8.313.464.327</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		9.119.614.327	9.211.214.327
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1.111.500.000)	(897.750.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>54.100.387.456</b>	<b>29.657.911.777</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.13	54.100.387.456	29.657.911.777
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>180.971.226.151</b>	<b>135.400.151.948</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>113.852.944.878</b>	<b>72.058.659.841</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>76.704.032.938</b>	<b>51.336.505.182</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.14	54.986.638.107	31.023.727.641
Người mua trả tiền trước	313		175.180.136	154.783.976
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.15	136.511.314	3.524.676.715
Phải trả công nhân viên	315		4.945.879.334	3.886.485.728
Chi phí phải trả	316	4.16	5.143.339.214	2.903.935.087
Phải trả nội bộ	317		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.17	8.398.160.872	4.865.199.026
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.18	2.918.323.961	4.977.697.009
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37.148.911.940</b>	<b>20.722.154.659</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.19	36.988.156.864	20.653.831.074
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		160.755.076	68.323.585
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>67.118.281.273</b>	<b>63.341.492.107</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.20	<b>67.118.281.273</b>	<b>63.341.492.107</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		9.367.331.511	8.073.400.911
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.814.676.078	4.133.659.978
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.936.273.684	11.134.431.218
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>180.971.226.151</b>	<b>135.400.151.948</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	140.800.000
Nợ khó đòi đã xử lý		1.713.800	-
Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

  
\_\_\_\_\_

**BÙI CHÍ HIẾU**  
Kế toán trưởng



\_\_\_\_\_

**TRẦN KIM CHIẾN**  
Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 2 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>2.106.669.886.175</b>	<b>1.605.185.328.320</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	2.106.669.886.175	1.605.185.328.320
Giá vốn hàng bán	11	5.2	2.018.466.658.829	1.530.139.178.470
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>88.203.227.346</b>	<b>75.046.149.850</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.148.209.130	3.949.266.684
Chi phí tài chính	22	5.4	213.750.000	(743.163.639)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	5.5	61.192.751.548	37.977.184.064
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	8.683.462.156	7.598.344.080
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>20.261.472.772</b>	<b>34.163.052.029</b>
Thu nhập khác	31	5.7	1.380.814.025	111.692.140
Chi phí khác	32	5.8	1.320.905.513	100.951.651
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>59.908.512</b>	<b>10.740.489</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>20.321.381.284</b>	<b>34.173.792.518</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	6.701.059.553	9.096.800.254
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>13.620.321.731</b>	<b>25.076.992.264</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	3.405	6.269

*Bùi Chí Hiếu*

**BÙI CHÍ HIẾU**  
Kế toán trưởng



*Trần Kim Chiến*

**TRẦN KIM CHIẾN**  
Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 2 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	2011 VND	2010 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>20.321.381.284</b>	<b>34.173.792.518</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	973.235.821	526.675.901
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	690.179.174	(678.142.556)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.230.318.710)	(3.959.514.707)
Chi phí lãi vay	06	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>19.754.477.569</b>	<b>30.062.811.156</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(6.008.644.602)	(210.915.491)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(13.079.839.194)	(2.360.688.305)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	21.112.862.312	27.110.808.779
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(24.364.688.820)	(11.089.620.344)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11.106.454.290)	(10.166.721.407)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	29.049.871.765	19.955.403.674
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(14.852.958.323)	(2.268.268.373)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>504.626.417</b>	<b>51.032.809.689</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.228.249.507)	(15.368.741.413)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	1.378.083.000	10.248.023
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	91.600.000	419.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.176.709.130	3.580.600.016
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>11.418.142.623</b>	<b>8.641.106.626</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(249.601.965)	(36.444.657.305)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(249.601.965)</b>	<b>(36.444.657.305)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>11.673.167.075</b>	<b>23.229.259.010</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>40.223.151.357</b>	<b>16.993.892.347</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	64	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>51.896.318.432</b>	<b>40.223.151.357</b>



BÙI CHÍ HIẾU  
Kế toán trưởng



TRẦN KIM CHIẾN  
Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 2 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Thương Mại SABECO Sông Tiền ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 54.0.3.000030 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 17 tháng 3 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 8 năm 2008 về người đại diện pháp luật của Công ty và tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên thành 40 tỷ đồng.

#### Trụ sở:

Công ty có trụ sở chính và kho được đặt tại số 5E đường Phạm Hùng, phường 9, thành phố Vĩnh Long.

#### Công ty có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Chi nhánh Long An	Số 140 đường 833, khu phố Phú Nhơn, phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An.
Chi nhánh Tiền Giang	Số 333, quốc lộ 50, ấp 2, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
Chi nhánh Trà Vinh	Quốc lộ 53, ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
Chi nhánh Đồng Tháp	Số 1013 Điện Biên Phủ, Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Chi nhánh Bến Tre	Số 24/E3 đường Nguyễn Thị Định, ấp Phú Thành, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo giấy phép đăng ký kinh doanh ngành nghề kinh doanh của công ty là: Mua bán rượu, bia, nước giải khát; Kinh doanh nhà hàng ăn uống; Vận chuyển hàng hóa đường bộ; Cho thuê kho bãi.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, hoạt động chủ yếu của công ty là mua bán rượu, bia, nước giải khát.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng số nhân viên của Công ty là 83 người, trong đó số nhân viên quản lý là 8 người.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký – Sổ cái.



### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

#### **3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Máy móc thiết bị	7 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	10 năm



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có xác định thời gian nên tính khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất	35 – 51 năm
Quyền sử dụng đất Vĩnh Long (đất nằm trong lộ giới quốc lộ)	4 - 15 năm

### 3.6 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phiếu hoặc đầu tư vào các đơn vị khác có thời hạn thu hồi hoặc nắm giữ trên 1 năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi các loại chứng khoán đầu tư bị giảm giá. Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính, trường hợp hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư được ghi giảm vào chi phí tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư các cổ phiếu chưa niêm yết được lập trên cơ sở là chênh lệch giữa giá gốc ban đầu trừ đi giá giao dịch bình quân của các loại chứng khoán được cung cấp tối thiểu bởi 3 công ty chứng khoán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### 3.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu giá trị của bao bì vỏ chai, vỏ két, pallet để hàng. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ trong thời gian từ 1 đến 4 năm kể từ khi phát sinh.

### 3.8 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm chi phí các chương trình tiếp thị quán, hỗ trợ vận chuyển, hỗ trợ hao bề và các chi phí khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 3.9 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

### 3.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

### 3.11 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Công ty liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	TP.HCM	Công ty mẹ của nhà đầu tư
Công ty TNHH MTV Thương mại SA BE CO	TP.HCM	Công ty mẹ (nhà đầu tư)
Công ty CP Vận Tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	TP.HCM	Công ty con tổng công ty
Công ty CP Rượu Bình Tây	TP.HCM	Công ty con tổng công ty
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Tây Đô	Cần Thơ	Công ty liên kết của TCT CP Bia Rượu NGK Sài Gòn

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	2.285.182	230.736
Tiền gửi ngân hàng	51.894.033.250	40.222.920.621
	<b>51.896.318.432</b>	<b>40.223.151.357</b>

### 4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	-	20.000.000.000
	<b>-</b>	<b>20.000.000.000</b>

### 4.3 Các khoản phải thu thương mại

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	339.769.100	339.769.100
Công ty TNHH MTV Thương Mại SA BE CO	-	11.888.800
Công ty CP Rượu Bình Tây	34.615.614	34.615.614
Phải thu đối tượng khác	2.917.819.500	660.960
	<b>3.292.204.214</b>	<b>386.934.474</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**4.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần NGK Chương Dương	14.000.140	14.000.140
Hợp tác xã Vĩnh Lợi	25.705.479	634.240.600
Đối tượng khác	241.009.800	217.850.000
	<b>280.715.419</b>	<b>866.090.740</b>

**4.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Châu Thanh Nhân	462.429.034 (a)	462.429.034
Công ty CP rượu Bình Tây	30.976.000 (b)	30.976.000
Cổ tức phải thu	28.500.000	57.000.000
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	-	311.666.668
Phải thu khác	35.976.679	92.802.437
	<b>557.881.713</b>	<b>954.874.139</b>

(a) Đây là khoản chi hộ cho nhân viên thị trường của Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn (gọi tắt là Tổng Công ty) từ tháng 6 năm 2008 trở về trước nhưng không thu được đã lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 2011.

(b) Hoa hồng bán hàng từ năm 2008 chưa được thanh toán hay cản trừ với khoản phải trả tiền mua hàng.

**4.6 Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần NGK Chương Dương	14.000.140	-
Châu Thanh Nhân	462.429.034	-
	<b>476.429.174</b>	<b>-</b>

**4.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	9.255.288.862	1.063.279.140
Hàng hóa tồn kho	15.389.989.010	8.267.912.798
Chi phí mua hàng	1.245.722.267	281.196.777
Vật phẩm quảng cáo	2.884.278.411	6.083.050.641
	<b>28.775.278.550</b>	<b>15.695.439.356</b>

**4.8 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuê văn phòng, thuê kho	144.835.911	146.150.041
Chi phí CCDC	-	24.272.729
Chi phí vật phẩm	-	52.200.000
	<b>144.835.911</b>	<b>222.622.770</b>





CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 01/01/2011	-	75.759.440	4.939.455.964	403.157.849	5.418.373.253
Tăng trong năm	6.009.907.501			63.422.196	6.073.329.697
Vào ngày 31/12/2011	<b>6.009.907.501</b>	<b>75.759.440</b>	<b>4.939.455.964</b>	<b>466.580.045</b>	<b>11.491.702.950</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày 01/01/2011		18.397.482	657.570.538	175.556.052	851.524.072
Khấu hao trong năm	33.388.375	10.822.776	493.945.596	128.036.532	666.193.279
Vào ngày 31/12/2011	<b>33.388.375</b>	<b>29.220.258</b>	<b>1.151.516.134</b>	<b>303.592.584</b>	<b>1.517.717.351</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 01/01/2011		57.361.958	4.281.885.426	227.601.797	<b>4.566.849.181</b>
Vào ngày 31/12/2011	<b>5.976.519.126</b>	<b>46.539.182</b>	<b>3.787.939.830</b>	<b>162.987.461</b>	<b>9.973.985.599</b>
Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao vẫn sử dụng	-	-	-	72.890.877	72.890.877

**4.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Vào ngày 01/01/2011	3.147.229.159	3.147.229.159
Tăng trong năm	10.233.455.580	10.233.455.580
Vào ngày 31/12/2011	<b>13.380.684.739</b>	<b>13.380.684.739</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Vào ngày 01/01/2011	51.715.034	51.715.034
Khấu hao trong năm	307.042.542	307.042.542
Vào ngày 31/12/2011	<b>358.757.576</b>	<b>358.757.576</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Vào ngày 01/01/2011	3.095.514.125	3.095.514.125
Vào ngày 31/12/2011	<b>13.021.927.163</b>	<b>13.021.927.163</b>

**4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công trình xây dựng kho chi nhánh Bến Tre	3.567.603.364	2.481.697.000
Công trình xây dựng kho chi nhánh Đồng Tháp	430.939.610	2.944.801.500
Công trình xây dựng kho chi nhánh Long An	2.810.181.691	2.743.349.191
Công trình xây dựng kho chi nhánh Vĩnh Long	126.233.636	2.555.560.000
Công trình xây dựng kho chi nhánh Trà Vinh	-	288.086.380
	<b>6.934.958.301</b>	<b>11.013.494.071</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**4.12 Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư cổ phiếu	5.995.000.000	5.995.000.000
Đầu tư dài hạn khác	3.124.614.327	3.216.214.327
Trừ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.111.500.000)	(897.750.000)
	<b>8.008.114.327</b>	<b>8.313.464.327</b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, chi tiết khoản đầu tư – cổ phiếu như sau:

	Số cổ phần	Mệnh giá VND	Giá mua VND	Giá trị VND
Tổng công ty CP Bia-Rượu- NGK Sài Gòn	28.500	10.000	70.000	1.995.000.000
Công ty CP bia NGK Sài Gòn Tây Đô	325.000	10.000	10.000	3.250.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	30.000	10.000	25.000	750.000.000
	<b>383.500</b>			<b>5.995.000.000</b>

**Chi tiết đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nhà hàng Hương Kiệt ( Đoàn Quang Kiệt)	338.000.000	338.000.000
Hội quán bia Sài Gòn – Trà Vinh	108.719.727	160.319.727
Hội quán Tư Loa Đồng Tháp	20.000.000	60.000.000
Hội quán bia Sài Gòn Vĩnh Long	2.657.894.600	2.657.894.600
	<b>3.124.614.327</b>	<b>3.216.214.327</b>

Tăng/(giảm) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư đầu kỳ	897.750.000	1.640.913.639
Dự phòng giảm giá trong kỳ	213.750.000	243.276.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	-	(986.439.639)
Dự phòng giảm giá đầu tư cuối kỳ	<b>1.111.500.000</b>	<b>897.750.000</b>

**4.13 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chưa phân bổ	19.730.009	58.833.023
Vỏ chai, vỏ két chai, pallet (a)	54.080.657.447	29.599.078.754
	<b>54.100.387.456</b>	<b>29.657.911.777</b>

(a) Biến động vỏ bao bì chai két trong năm 2011 như sau:

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Số dư đầu năm	29.599.078.754	18.407.517.066
Phát sinh tăng trong năm	38.679.440.000	17.977.192.400
Phân bổ vào chi phí trong năm	(12.529.154.718)	(6.743.961.735)
Thanh lý trong năm	(1.668.706.589)	(41.668.977)
Số dư cuối năm	<b>54.080.657.447</b>	<b>29.599.078.754</b>

1899  
ÔNG  
HIỆM  
TÀI  
CÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**4.14 Phải trả người bán**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty TNHH MTV TM Sa Be Co	33.226.414.045	24.090.009.110
Công ty CP Vận tải và GN Bia Sài Gòn	19.941.100.883	6.692.905.971
Công ty CP Rượu Bình Tây	189.779.960	189.779.960
Phải trả người bán khác	1.629.343.219	51.032.600
	<b>54.986.638.107</b>	<b>31.023.727.641</b>

**4.15 Thuế**

*Thuế và các khoản phải thu Nhà nước*

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	2.874.689.609	281.655.631
Thuế TNDN nộp thừa	1.532.573.631	-
	<b>4.407.263.240</b>	<b>281.655.631</b>

*Thuế và các khoản phải nộp nhà nước*

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	526.843.798
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.872.821.106
Thuế thu nhập cá nhân	136.511.314	125.011.811
	<b>136.511.314</b>	<b>3.524.676.715</b>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà Nước như sau:

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	245.188.167	2.662.371.635	(5.782.249.411)	(2.874.689.609)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.872.821.106	6.701.059.553	(11.106.454.290)	(1.532.573.631)
Thuế thu nhập cá nhân	125.011.811	224.057.026	(212.557.523)	136.511.314
	<b>3.243.021.084</b>	<b>9.587.488.214</b>	<b>(17.101.261.224)</b>	<b>(4.270.751.926)</b>

**4.16 Chi phí phải trả**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chương trình tri ân khách hàng	1.070.470.006	-
Chương trình hỗ trợ khách hàng chiến lược	849.500.000	-
Chương trình tiệc cưới T12	307.125.000	477.024.139
Chi phí hỗ trợ hao bể bao bì năm 2011	1.087.860.586	72.630.407
Chi phí bốc xếp tháng 12	579.871.122	290.819.460
Vật phẩm QC, quán khoán, quán tiếp thị	1.248.512.500	2.007.200.156
	<b>5.143.339.214</b>	<b>2.903.935.087</b>

**4.17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty TNHH MTV Thương Mại Sa Be Co	7.200.000.000	-
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	-	4.506.609.400
Cổ tức phải trả	800.000.000	-
Kinh phí công đoàn	388.869.525	335.633.371
Bảo hiểm xã hội	9.291.347	22.956.255
	<b>8.398.160.872</b>	<b>4.865.199.026</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**4.18 Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Số dư đầu năm VND	Tăng quỹ trong năm VND	Chi quỹ trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Quỹ khen thưởng	2.679.267.869	646.965.300	(2.057.443.000)	1.268.790.169
Quỹ phúc lợi	1.998.429.140	646.965.300	(1.295.860.648)	1.349.533.792
Quỹ khen thưởng ban điều hành	300.000.000	300.000.000	(300.000.000)	300.000.000
	<b>4.977.697.009</b>	<b>1.593.930.600</b>	<b>(3.653.303.648)</b>	<b>2.918.323.961</b>

**4.19 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền cược bao bì, vỏ chai kết	36.988.156.864	20.653.831.074
	<b>36.988.156.864</b>	<b>20.653.831.074</b>

**4.20 Vốn chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 8 năm 2008 và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, chi tiết góp vốn như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh VND	Vốn thực góp VND	Tỉ lệ góp vốn %
Công ty TNHH MTV Thương Mại SA BE CO	36.000.000.000	36.000.000.000	90,00
Bà Trần Kim Chiến	27.000.000	27.000.000	0,07
Ông Trần Văn Giàu	27.500.000	27.500.000	0,07
Cổ đông khác	3.945.500.000	3.945.500.000	9,86
	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2010	40.000.000.000	5.565.701.685	2.879.810.365	15.079.194.825	63.524.706.875
Lợi nhuận tăng năm nay	-	-	-	25.076.992.264	25.076.992.264
Trích quỹ trong năm nay	-	2.507.699.226	1.253.849.613	(3.761.548.839)	-
Trích quỹ KTPL, BĐH	-	-	-	(2.507.699.227)	(2.507.699.227)
Chia cổ tức	-	-	-	(22.452.507.805)	(22.452.507.805)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
<b>Số dư 31/12/2010</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>8.073.400.911</b>	<b>4.133.659.978</b>	<b>11.134.431.218</b>	<b>63.341.492.107</b>
Số dư 01/01/2011	40.000.000.000	8.073.400.911	4.133.659.978	11.134.431.218	63.341.492.107
Lợi nhuận tăng năm nay	-	-	-	13.620.321.731	13.620.321.731
Trích quỹ trong năm nay	-	1.293.930.600	681.016.100	(1.974.946.700)	-
Trích quỹ KTPL, BĐH	-	-	-	(1.593.930.600)	(1.593.930.600)
Chi cổ tức	-	-	-	(249.601.965)	(249.601.965)
Trích cổ tức	-	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
<b>Số dư 31/12/2011</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>9.367.331.511</b>	<b>4.814.676.078</b>	<b>12.936.273.684</b>	<b>67.118.281.273</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty TNHH MTV Thương Mại SA BE CO	36.000.000.000	36.000.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	4.000.000.000	4.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	-	-
	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

### Cổ phiếu

	2011	2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đầu năm	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối năm	<b>4.000.000</b>	<b>4.000.000</b>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: không có

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu bán bia	2.099.873.811.760	1.599.660.339.490
Doanh thu bán rượu	170.845.280	428.130.050
Doanh thu bán nước ngọt	-	188.772.804
Doanh thu nội bộ (vật phẩm quảng cáo)	5.842.523.975	4.870.364.726
Doanh thu trao đổi bao bì	782.705.160	37.721.250
	<b>2.106.669.886.175</b>	<b>1.605.185.328.320</b>

### 5.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2011 VND	2010 VND
Giá vốn sản phẩm bia	1.910.849.264.340	1.456.157.304.740
Chi phí vận chuyển bia	101.584.663.610	68.523.687.607
Giá vốn sản phẩm rượu	137.355.690	383.822.440
Giá vốn sản phẩm nước giải khát	-	167.248.957
Giá vốn vật phẩm quảng cáo	5.522.642.020	4.870.364.726
Giá vốn trao đổi bao bì	372.733.169	36.750.000
	<b>2.018.466.658.829</b>	<b>1.530.139.178.470</b>

### 5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.559.068.911	3.491.850.575
Cổ tức, lợi nhuận được chia	589.140.192	457.416.109
	<b>2.148.209.130</b>	<b>3.949.266.684</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

<b>5.4 Chi phí tài chính</b>	<b>2011</b> VND	<b>2010</b> VND
Dự phòng /(hoàn nhập) giảm giá đầu tư tài chính	213.750.000	(743.163.639)
	<b>213.750.000</b>	<b>(743.163.639)</b>
<b>5.5 Chi phí bán hàng</b>	<b>2011</b> VND	<b>2010</b> VND
Chi phí nhân viên	16.612.161.764	11.180.275.597
Chi phí bao bì, công cụ, dụng cụ	185.960.640	188.389.192
Chi phí hao mòn bao bì, vỏ chai	15.178.587.470	6.743.961.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	816.649.215	373.081.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.721.043.039	6.123.477.414
Chi phí hỗ trợ bán hàng	20.157.945.951	13.367.999.059
Chi phí khác bằng tiền	1.520.403.469	-
	<b>61.192.751.548</b>	<b>37.977.184.064</b>
<b>5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>2011</b> VND	<b>2010</b> VND
Chi phí nhân viên	5.701.519.099	5.477.212.876
Chi phí công cụ, dụng cụ	83.605.712	125.409.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	156.586.606	153.594.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	503.319.796	373.750.128
Chi phí dự phòng	568.860.065	-
Chi phí bằng tiền khác	1.669.570.878	1.468.376.492
	<b>8.683.462.156</b>	<b>7.598.344.080</b>
<b>5.7 Thu nhập khác</b>	<b>2011</b> VND	<b>2010</b> VND
Thu thanh lý vỏ chai kết	1.378.083.000	51.917.000
Thu hỗ trợ bán hàng	2.731.025	3.216.401
Thu tiền bồi thường hao bể	-	56.558.739
	<b>1.380.814.025</b>	<b>111.692.140</b>
<b>5.8 Chi phí khác</b>	<b>2011</b> VND	<b>2010</b> VND
Chi phí vỏ chai và kết bia thanh lý	1.295.973.420	41.668.977
Chi phí khác	24.932.093	59.282.674
	<b>1.320.905.513</b>	<b>100.951.651</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

### 5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2011 VND	2010 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>20.321.381.284</b>	<b>34.173.792.518</b>
Các khoản điều chỉnh tăng/ (giảm) thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng	6.998.856.929	3.657.264.245
<i>Chi phí vượt mức không chế</i>	<i>5.398.856.929</i>	<i>3.209.284.245</i>
<i>Chi phí không được khấu trừ thuế</i>	<i>1.600.000.000</i>	<i>447.980.000</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	(516.000.000)	(1.443.855.748)
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư</i>	<i>-</i>	<i>(986.439.639)</i>
<i>Cổ tức đầu tư được chia</i>	<i>(516.000.000)</i>	<i>(457.416.109)</i>
<b>Thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>26.804.238.213</b>	<b>36.387.201.015</b>
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN ước tính trong năm	6.701.059.553	9.096.800.254
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.701.059.553</b>	<b>9.096.800.254</b>

### 5.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

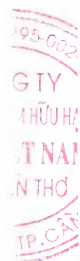
	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận sau thuế	13.620.321.731	25.076.992.264
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.405</b>	<b>6.269</b>

## 6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty có các nghiệp vụ phát sinh với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nghiệp vụ	Nghiệp vụ phát sinh VND
Công ty TNHH Một Thành Viên TM SA BE CO	Mua hàng	2.117.566.797.005
	Trả tiền hàng	2.108.430.392.070
	Bán chai kết	42.553.891.270
	Phí sử dụng vỏ chai	1.742.353.481
	Trích cổ tức 2011	7.200.000.000
Công ty CP VT và Giao nhận Bìa Sài Gòn	Tiền vận chuyển hàng hóa	112.804.108.011
	Thanh toán tiền vận chuyển	99.555.913.099
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Bán hàng - thu tiền	2.042.247.680
	Thanh toán tiền CT 2010	4.506.609.400
	Thu tiền cổ tức năm 2010	57.000.000
	Cổ tức 2011	28.500.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan vào ngày kết thúc năm tài chính để thể hiện như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/ (Phải trả) VND
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Phải thu tiền bán hàng Phải thu tiền cổ tức 2011	339.769.100 28.500.000
Công ty cổ phần NGK Chương Dương	Trả thừa tiền mua hàng	14.000.140
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại SA BE CO	Phải trả tiền mua hàng	33.226.414.045
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Phải trả tiền mua hàng Phải thu hoa hồng Phải thu tiền chi hộ	(189.779.960) 34.615.614 30.976.000
Công ty CP VT và Giao nhận Bia Sài Gòn	Phải trả tiền vận chuyển	19.941.100.883

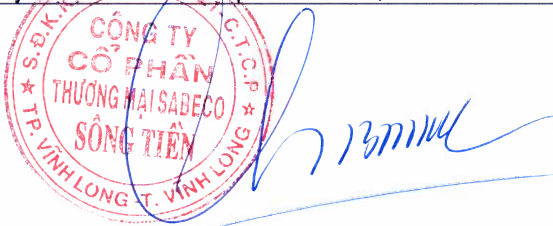
### 6.2 Đầu tư góp vốn vào các công ty liên quan như sau:

Vào ngày kết thúc năm tài chính Công ty có các khoản đầu tư vào các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Giá trị đầu tư VND
Tổng Công ty CP Bia Rượu – NGK Sài Gòn	Đầu tư mua cổ phiếu	1.995.000.000
Công ty CP Bia – NGK Sài Gòn Tây Đô	Góp vốn điều lệ	3.250.000.000

  
\_\_\_\_\_

**BÙI CHÍ HIẾU**  
Kế toán trưởng



**TRẦN KIM CHIẾN**  
Giám đốc

Thành phố Vĩnh Long, ngày 20 tháng 02 năm 2012